

Cao Bằng, ngày 20 tháng 10 năm 2024

ĐIỂM THI

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 23 (huyện Trùng Khánh)

Môn: Phần D.I. Quản lý hành chính nhà nước

Ngày thi: 14/10/2024

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
1	Hoàng Thị Bạch	8,00	Tám	37	La Thị Mây	7,50	Bảy phẩy năm
2	La Thị Biếc	6,75	Sáu phẩy bảy năm	38	Nguyễn Thị Minh Nghiệp	8,00	Tám
3	Lục Thị Chinh	7,50	Bảy phẩy năm mươi	39	Lương Văn Ngự	7,25	Bảy phẩy hai năm
4	Hoàng Văn Cương	6,25	Sáu phẩy hai năm	40	Thang Thị Nguyệt	8,00	Tám
5	Hoàng Văn Dự	6,75	Sáu phẩy bảy năm	41	Trần Đức Nhân	7,50	Bảy phẩy năm
6	Hoàng Thị Duyên	7,00	Bảy	42	Hoàng Thị Nhung	7,50	Bảy phẩy năm
7	La Thị Duyên	8,00	Tám	43	Nông Thị Nhung	7,50	Bảy phẩy năm
8	La Thị Duyên	7,25	Bảy phẩy hai năm	44	Ngân Thị Nương	7,50	Bảy phẩy năm
9	Nông Thị Duyên	7,00	Bảy	45	Ngô Thị Phương	7,50	Bảy phẩy năm
10	Lương Thị Gấm	7,50	Bảy phẩy năm mươi	46	Đàm Văn Quang	7,50	Bảy phẩy năm
11	Nông Thị Hằng	7,00	Bảy	47	Mông Đình Quế	7,50	Bảy phẩy năm
12	Nông Thị Hành	7,50	Bảy phẩy năm mươi	48	Chu Thị Quý	7,25	Bảy phẩy hai năm
13	Lương Thị Hạnh	8,00	Tám	49	Hà Thị Quyền	8,00	Tám
14	Bế Thị Hào	7,00	Bảy	50	Lãnh Thị Minh Tâm	8,25	Tám phẩy hai năm
15	Dương Thị Hào	7,50	Bảy phẩy năm mươi	51	Hoàng Văn Thái	8,00	Tám
16	Hoàng Đức Hiếu	7,50	Bảy phẩy năm mươi	52	Nông Thị Thắm	8,00	Tám
17	Ngân Thị Hòa	7,25	Bảy phẩy hai năm	53	Bế Thị Thê	8,00	Tám
18	Lương Thị Hợp	7,50	Bảy phẩy năm mươi	54	Hứa Văn Thiệp	7,25	Bảy phẩy hai năm
19	Hoàng Văn Huân	7,00	Bảy	55	Lục Văn Thiệp	7,25	Bảy phẩy hai năm
20	Đàm Thị Huệ	6,50	Sáu phẩy năm	56	Hoàng Văn Thóm	7,25	Bảy phẩy hai năm
21	Hoàng Kim Huệ	8,00	Tám	57	Lục Thị Thu	7,75	Bảy phẩy bảy năm
22	Nông Thị Hường	8,00	Tám	58	Nông Văn Thượng	7,25	Bảy phẩy hai năm

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
23	Hứa Quốc Huy	7,00	Bảy	59	Hứa Thị Thúy	7,25	Bảy phẩy hai năm
24	Hoàng Bích Huyền	7,50	Bảy phẩy năm mươi	60	Nông Ngọc Thủy	7,50	Bảy phẩy năm
25	Hoàng Văn Khai		Thôi học	61	Triệu Thị Thủy	7,25	Bảy phẩy hai năm
26	Hà Phúc Khải	7,00	Bảy	62	Nguyễn Ngọc Tịch	7,00	Bảy
27	Hoàng Thị Khâm	7,25	Bảy phẩy hai năm	63	Lương Thị Tiên	7,50	Bảy phẩy năm
28	Nông Đức Khánh	7,00	Bảy	64	Nguyễn Quang Tiến	8,00	Tám
29	La Đức Kiểm	6,75	Sáu phẩy bảy năm	65	Triệu Thị Tồn	7,25	Bảy phẩy hai năm
30	Hoàng Thị Kỳ	7,00	Bảy	66	Hoàng Minh Trọng	7,50	Bảy phẩy năm
31	Sầm Thị Lanh	7,00	Bảy	67	Hoàng Đức Trung	7,50	Bảy phẩy năm
32	Đình Thị Liên	8,00	Tám	68	Đàm Thị Tuyến	8,00	Tám
33	Nông Thị Liễu	8,00	Tám	69	Vi Thị Viện	7,50	Bảy phẩy năm
34	Nông Thị Luyến	7,00	Bảy	70	Hoàng Thị Yến	7,25	Bảy phẩy hai năm
35	Nông Thị Ly	7,25	Bảy phẩy hai năm	71	Ngôn Hải Yến	8,00	Tám
36	Nông Thị Mận	8,00	Tám	72	Lý Thị Hoài	8,25	Tám phẩy hai năm

Điểm 6,25: 01 điểm; Điểm 6,50: 01 điểm; Điểm 6,75: 03 điểm; Điểm 7,00: 12 điểm; Điểm 7,25: 14 điểm; Điểm 7,50: 20 điểm; Điểm 7,75: 01 điểm; Điểm 8,00: 17 điểm; Điểm 8,25: 02 điểm./.

GHI ĐIỂM

**PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thu Hằng

Đoàn Thị Vân Thúy

Trịnh Thị Ánh Hoa